

Số: /BC-SNNPTNT

Quảng Ngãi, ngày tháng 3 năm 2024

## BÁO CÁO

### Đánh giá kết quả thực hiện các chính sách bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi từ năm 2016-2023

Qua quá trình triển khai thực hiện các chính sách bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi: Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ; Nghị định số 119/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ; Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 56/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện các chính sách bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2016-2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; cụ thể như sau:

#### I. Đánh giá tình hình thực hiện một số chính sách lâm nghiệp

##### 1. Đánh giá chung

Trong thời gian qua, công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đã được các cấp ủy, tổ chức Đảng, chính quyền quan tâm thực hiện, và đạt được những kết quả quan trọng. Diện tích rừng và độ che phủ rừng liên tục tăng và dần ổn định; việc sắp xếp lại ba loại rừng cơ bản phù hợp yêu cầu thực tiễn; công tác giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng được chú trọng.

Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng từng bước được hoàn thiện, trong đó có nhiều cơ chế, chính sách về bảo vệ và phát triển rừng gắn với giảm nghèo đã giúp người dân làm nghề rừng, nhất là các hộ nghèo cải thiện đời sống, nâng cao thu nhập. Tuy nhiên, trong thời gian qua, lĩnh vực lâm nghiệp và chính sách về lâm nghiệp vẫn còn một số bất cập, hạn chế như: Tỷ lệ che phủ rừng tăng nhưng chất lượng chưa cao; chưa quy định đầy đủ đối tượng để thực hiện hỗ trợ bảo vệ rừng theo quy định; chưa phát huy tiềm năng của các khu rừng tự nhiên, thu nhập của người lao động làm nghề rừng còn thấp so với các ngành nghề khác; nguồn vốn đầu tư cho ngành lâm nghiệp còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu.

##### 2. Các chính sách đã được ban hành

###### 2.1. Trung ương:

- Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020;

- Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp;

- Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng;

- Nghị định số 119/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ về một số chính sách quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu.

## *2.2. Địa phương:*

- Nghị quyết số 56/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; hỗ trợ, khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020;

- Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về cơ chế, chính sách bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng, trồng rừng, phát triển lâm sản ngoài gỗ theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (khu vực II và III) giai đoạn 2015-2020 tỉnh Quảng Ngãi;

## **3. Công tác tổ chức thực hiện**

### *3.1. Đối với chính sách trung ương ban hành:*

Tùy theo từng giai đoạn, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành một số cơ chế, chính sách; đồng thời phê duyệt một số chương trình, đề án, ... để phát triển kinh tế xã hội, trong đó có lĩnh vực lâm nghiệp, cụ thể như: Đề án Tăng cường công tác quản lý khai thác gỗ rừng tự nhiên giai đoạn 2014-2020<sup>1</sup>; Đề án Bảo vệ và Phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2015-2020<sup>2</sup>; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020<sup>3</sup>; Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 -2020<sup>4</sup>; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025<sup>5</sup>; Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025<sup>6</sup>; Đề án Bảo vệ và phát triển rừng vùng ven biển nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và thúc đẩy tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030<sup>7</sup>; Đề án nâng cao chất lượng rừng nhằm bảo tồn hệ sinh thái rừng và phòng chống thiên tai đến năm 2030<sup>8</sup>; ...

Để tổ chức thực hiện, tùy theo cơ chế, chính sách, chương trình các Bộ, ngành trung ương đã hướng dẫn một số nội dung như: Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020<sup>9</sup>; Hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển

<sup>1</sup> Quyết định số 2242/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

<sup>2</sup> Quyết định số 120/QĐ-TTg ngày 22/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

<sup>3</sup> Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ;

<sup>4</sup> Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ;

<sup>5</sup> Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ;

<sup>6</sup> Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ;

<sup>7</sup> Quyết định số 1662/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ;

<sup>8</sup> Quyết định số 171/QĐ-TTg ngày 07/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ;

<sup>9</sup> Thông tư liên tịch số 93/2016/TTLT-BTC-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Tài chính – Bộ NN và PTNT;

lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020<sup>10</sup>; Hướng dẫn một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025<sup>11</sup>; Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025<sup>12</sup>,...

Nhằm cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành: Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020<sup>13</sup>; thành lập Ban Chỉ đạo, Văn phòng Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020<sup>14</sup>; đồng thời, UBND các huyện, thị xã, thành phố cũng thành lập Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững cấp huyện; Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kiện toàn Ban Chỉ đạo Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 -2025<sup>15</sup>; Thành lập Văn phòng Ban Chỉ đạo Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 -2025<sup>16</sup>; Ban Chỉ đạo Ban hành Chương trình công tác giai đoạn 2023-2025 và năm 2023 của Ban Chỉ đạo Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021-2025<sup>17</sup>,...

*3.2. Đối với chính sách địa phương ban hành:* Trên cơ sở các quy định của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh; các Sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức triển khai các nội dung thông qua việc lập dự án hỗ trợ, công trình lâm sinh trình UBND tỉnh phê duyệt để làm cơ sở tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

## **II. Tình hình thực hiện chính sách**

### ***1. Kết quả thực hiện chính sách***

*1.1. Chính sách của Trung ương:* Thông qua các chương trình, dự án do trung ương phê duyệt, một số nội dung theo chính sách bảo vệ và phát triển rừng đã được tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh và đạt được một số kết quả như sau:

a) Về nội dung, khối lượng:

- Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng: Hàng năm, hỗ trợ toàn bộ diện tích thuộc đối tượng theo khoản 3 Điều 6 Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ, từ 2016-2023, tổng số lượt ha giao khoán đạt khoảng trên 800.000 lượt ha;

<sup>10</sup> Thông tư số 21/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 Bộ trưởng Bộ NN và PTNT;

<sup>11</sup> Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT

<sup>12</sup> Thông tư số 21/2023/TT-BTC ngày 14/4/2023 Bộ trưởng Bộ Tài chính;

<sup>13</sup> Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

<sup>14</sup> Các Quyết định: số 770/QĐ-UBND ngày 26/04/2017; số 401/QĐ-UBND ngày 08/03/2018

<sup>15</sup> Quyết định số 1758/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi;

<sup>16</sup> Quyết định số 29/QĐ-SNNPTNT ngày 18/01/2023 của Giám đốc Sở NN và PTNT;

<sup>17</sup> Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 13/4/2023 của TB BCĐ CTPTLNBV tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025.

- Hỗ trợ bảo vệ rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên tại các xã có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn (khu vực II, III): Theo phân bổ kinh phí ngân sách của trung ương, trong giai đoạn 2016-2023 đã thực hiện hỗ trợ khoảng 113.000 lượt ha.

- Hỗ trợ khoán khoán nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung: Tại các huyện Tây Trà, Trà Bồng với diện tích là 557,63 ha, gồm có 08 hộ gia đình và 02 cộng đồng dân cư nhận khoán.

- Hỗ trợ cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững: 6.916 ha rừng trồng;

- Hỗ trợ cây trồng phân tán: 145 ha.

Ngoài ra hỗ trợ thực hiện một số hoạt động đặc thù, dự án về công tác phòng cháy chữa cháy rừng, về tập huấn nâng cao năng lực cho lực lượng kiểm lâm, ....

b) Tổng kinh phí thực hiện hỗ trợ đạt khoảng trên 416 tỷ đồng<sup>18</sup>; trong đó:

- Ngân sách trung ương đạt khoảng: 302 tỷ đồng;

- Ngân sách tỉnh đạt khoảng: 114 tỷ đồng.

*1.2. Chính sách của của tỉnh:* Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; hỗ trợ, khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý hiếm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 (quy định tại Nghị quyết số 56/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017<sup>19</sup>) như sau:

- Về khối lượng thực hiện:

+ Chuyển hóa rừng trồng nguyên liệu gỗ nhỏ sang rừng trồng nguyên liệu gỗ lớn: 211,28 ha/428,33 ha, đạt 49,33% so với diện tích được phê duyệt.

+ Trồng cây phân tán là cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm: 69.694 cây/70.000 cây, đạt 99,56%, so với số lượng cây được phê duyệt.

- Tổng kinh phí thực hiện: 4.559 triệu đồng/ 6.916 triệu đồng, đạt 65,9% so với kinh phí phê duyệt.

- Đối tượng nhận hỗ trợ là hộ gia đình, cá nhân, các cơ quan, đơn vị, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

## **2. Đánh giá kết quả thực hiện**

### **2.1. Thuận lợi**

- Được sự quan tâm chỉ đạo điều hành quyết liệt, lãnh đạo sâu sát của các cấp chính quyền địa phương; sự nỗ lực, cố gắng trong công tác tham mưu, tổ chức thực hiện; phối hợp kết hợp chặt chẽ giữa các lực lượng để đạt được các nhiệm vụ, chỉ tiêu thuộc lĩnh vực lâm nghiệp đề ra.

- Nguồn lực lao động trong lĩnh vực lâm nghiệp tại các huyện miền núi, nơi có diện tích rừng tập trung tương đối dồi dào, lao động chủ yếu hoạt động trong

<sup>18</sup> Giai đoạn 2016-2020, khoảng 270 tỷ đồng; Giai đoạn 2021-2023, khoảng 146 tỷ đồng;

<sup>19</sup> Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; hỗ trợ, khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 tại Quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 13/9/2019.

lĩnh vực nông lâm nghiệp. Nguồn lực trong các đơn vị quản lý bảo vệ, phát triển rừng (các BQL rừng phòng hộ, Lực lượng Kiểm lâm) trẻ, nhiệt huyết, chịu khó tìm tòi, học hỏi để nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Đối với đất rừng trên địa bàn tỉnh, các cơ quan đơn vị, chính quyền địa phương đã chủ động rà soát, bố trí kinh phí để thực hiện giao rừng, giao đất theo phương án; với các cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút đầu tư, cùng với diện tích đất rừng đã có chủ đã tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích cho các tổ chức, cá nhân thực hiện đầu tư, liên doanh liên kết đầu tư.

- Nguồn kinh phí phân bổ (trung ương, địa phương) theo các chương trình, dự án chưa đảm bảo đầy đủ, các dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng còn hạn chế; tuy nhiên, các cơ quan, đơn vị, các chủ rừng đã chủ động lồng ghép với tiền dịch vụ môi trường rừng, tiền trồng rừng thay thế,... để ưu tiên đầu tư các hoạt động cấp bách, cần thiết để đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ đề ra.

## **2.2. Những khó khăn, tồn tại:**

- Tình trạng khai thác, phá rừng, lấn chiếm đất rừng phòng hộ chiếm đất sản xuất, xâm canh tại các vùng giáp ranh vẫn còn diễn ra khá phức tạp; Việc khai thác gỗ, vận chuyển lâm sản nhỏ lẻ tại các khu rừng tự nhiên giáp ranh vẫn còn tồn tại; một số chủ rừng, địa phương chưa chủ động trong công tác quản lý, bảo vệ rừng.

- Quy mô sản xuất của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhỏ, diện tích rừng trồng sản xuất của tỉnh Quảng Ngãi phần lớn thuộc quyền sở hữu của hộ gia đình, cá nhân thuộc các huyện miền núi (mỗi hộ sở hữu khoảng dưới 5 ha), có trình độ sản xuất thấp, manh mún.

- Nguồn lực đầu tư cho các hoạt động lâm nghiệp đã từng bước xã hội hóa, nhiều chính sách ban hành để hỗ trợ, thu hút đầu tư, tuy nhiên khó tiếp cận nên chưa khuyến khích các doanh nghiệp liên kết với chủ rừng để hỗ trợ sản xuất theo chuỗi giá trị.

- Các chính sách quy định hỗ trợ bảo vệ rừng và phát triển rừng, quy định mức hỗ trợ thấp (chưa đảm bảo theo định mức kinh tế kỹ thuật về lâm nghiệp); chưa đầy đủ đối tượng hỗ trợ theo quy định của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018, cụ thể chưa có quy định mức hỗ trợ (i) Diện tích rừng phòng hộ tại khu vực nằm ngoài các xã khu vực II, III hoặc tại khu vực thuộc xã khu vực II, III đã được UBND tỉnh công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn nâng cao; (ii) Các biện pháp lâm sinh áp dụng cho rừng phòng hộ, rừng sản xuất như: nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng tự nhiên,... trên địa bàn tỉnh.

## **2.3. Biện pháp giải quyết**

Ngoài việc tiếp tục thực hiện các cơ chế chính sách; chương trình dự án đã, đang thực hiện; để tăng cường công tác bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh; cần quy định mức hỗ trợ đối với rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên cụ thể như sau:

- Quy định các mức hỗ trợ đối với (i) Hỗ trợ bảo vệ rừng phòng hộ tại khu vực nằm ngoài các xã khu vực II, khu vực III; (ii) Hỗ trợ nuôi dưỡng rừng tự nhiên, (iii) Hỗ trợ làm giàu rừng tự nhiên.

- Bố trí đầy đủ kinh phí để thực hiện hỗ trợ cho các đối tượng theo từng nội dung, theo tiến độ đảm bảo đạt mục tiêu đề ra và đúng quy định.

#### **2.4. Bài học kinh nghiệm**

- Trong bối cảnh mới, sự biến động liên tục của kinh tế thế giới và trong nước đã và đang tác động đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung, lĩnh vực lâm nghiệp nói riêng đòi hỏi phải làm tốt công tác dự báo, phân tích, đánh giá sát tình hình; có sự sáng tạo, tư duy đổi mới trong cách điều hành, chỉ đạo để thích ứng với những biến đổi và những đòi hỏi của thực tiễn, từ đó mới có thể huy động có hiệu quả toàn bộ nguồn lực của xã hội đóng góp vào sự phát triển của lĩnh vực lâm nghiệp; đồng thời đảm bảo sự hỗ trợ đầy đủ từ ngân sách nhà nước cho các đối tượng theo quy định pháp luật

- Phải làm tốt công tác tuyên truyền, tạo được sự đồng thuận cao trong nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, huy động tối đa nguồn lực trong nhân dân và các nguồn lực khác để cùng với ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các nội dung nhằm đạt được mục tiêu hàng năm, giai đoạn đề ra.

## **II. Những giải pháp và đề xuất, kiến nghị**

### **1. Các giải pháp thực hiện trong thời gian đến**

#### **1.1. Mục tiêu chung:**

Rà soát các chính sách, nghiên cứu, đánh giá đúng thực trạng, đề xuất các giải pháp, chính sách phù hợp tạo cơ sở pháp lý để hỗ trợ quản lý bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng được nhà nước giao cho các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư để nâng cao chất lượng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên nhằm phát huy tốt chức năng của từng loại rừng, bảo tồn hệ sinh thái rừng, đa dạng sinh học, tăng cường trữ lượng các - bon của rừng và phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; góp phần tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống cho các chủ rừng, ổn định phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh tại các địa phương trên địa bàn tỉnh.

#### **1.2. Giải pháp thực hiện:**

##### **1.2.1. Xây dựng cơ chế chính sách:**

a) Chính sách 1. Nội dung hỗ trợ bảo vệ rừng phòng hộ tại khu vực nằm ngoài các xã khu vực II, khu vực III<sup>20</sup>.

- Đối tượng rừng:

---

<sup>20</sup> Theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

+ Rừng phòng hộ đầu nguồn; rừng phòng hộ bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư;

+ Rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay; rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển.

- Đối tượng được hỗ trợ: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được giao rừng phòng hộ để quản lý.

- Mức hỗ trợ:

+ Rừng phòng hộ đầu nguồn; rừng phòng hộ bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư: 321.000 đồng/ha/năm;

+ Rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay; rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển: 481.500 đồng/ha/năm.

- Dự kiến kinh phí và nguồn kinh phí hỗ trợ:

+ Dự kiến kinh phí hỗ trợ: 32,2 tỷ đồng;

+ Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100%;

- Thời gian hỗ trợ: Từ năm 2024-2030.

**b) Chính sách 2. Nội dung hỗ trợ nuôi dưỡng rừng tự nhiên**

- Đối tượng rừng: Theo khoản 1 Điều 6 Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về các biện pháp lâm sinh.

- Đối tượng được hỗ trợ: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thực hiện nuôi dưỡng rừng tự nhiên.

- Mức hỗ trợ: không quá 16.500.000 đồng/ha.

- Dự kiến kinh phí và nguồn kinh phí hỗ trợ:

+ Dự kiến kinh phí hỗ trợ: 3,3 tỷ đồng

+ Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100%

- Thời gian hỗ trợ: Từ năm 2024-2030.

**c) Chính sách 3. Nội dung hỗ trợ làm giàu rừng tự nhiên**

- Đối tượng rừng: Theo khoản 1 Điều 7 Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về các biện pháp lâm sinh.

- Đối tượng được hỗ trợ: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thực hiện làm giàu rừng tự nhiên thuộc rừng phòng hộ, rừng sản xuất.

- Mức hỗ trợ: không quá 40.000.000 đồng.

- Dự kiến kinh phí và nguồn kinh phí hỗ trợ:

+ Dự kiến kinh phí hỗ trợ: 3,8 tỷ đồng;

+ Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100%

- Thời gian hỗ trợ: Từ năm 2024-2030.

**1.2.2. Công tác tổ chức, triển khai thực hiện:**

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho mọi người dân về công tác bảo vệ, phát triển rừng với xây dựng nông thôn mới, với sự phát triển bền vững của lĩnh vực lâm nghiệp, để thực hiện tốt các chính sách đề ra;

- Để phát huy hiệu quả của việc thực hiện các nội dung bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng cần áp dụng các kiến thức bản địa kết hợp với quy định của pháp luật nhằm thực hiện tốt các biện pháp tác động, lựa chọn loài cây trồng phù hợp với điều kiện lập địa, đảm bảo đáp ứng mục tiêu về sinh kế; góp phần tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống cho các chủ rừng; nâng cao chất lượng rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên bảo tồn hệ sinh thái rừng, đa dạng sinh học, tăng cường trữ lượng các - bon của rừng và phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Hướng dẫn trình tự thực hiện, nội dung hồ sơ thiết kế, dự toán của từng biện pháp lâm sinh để các đơn vị, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tổ chức thực hiện đảm bảo theo đúng quy định hiện hành Nhà nước.

**2. Đề xuất, kiến nghị:**

Để đảm bảo đạt được mục tiêu nêu trên, kính đề nghị UBND tỉnh kiến nghị HĐND tỉnh thông nhất chủ trương xây dựng Nghị quyết chính sách quy định mức hỗ trợ quản lý bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, nguồn kinh phí cấp ngân sách tỉnh để hỗ trợ; đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, đúng đối tượng theo quy định của pháp luật.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện các chính sách về bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi từ năm 2016-2023, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính báo cáo./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Giám đốc Sở;
- Văn phòng Sở;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Lưu: VT, ntkp.

**GIÁM ĐỐC**

**Hồ Trọng Phương**